

UBND HUYỆN TUYỀN HOÁ - CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
VCSN GD&ĐT BẬC  
TRUNG HỌC CƠ SỞ  
NĂM 2019

Tuyên Hoá, ngày 20 tháng 8 năm 2019

Số: 04 /HĐXTTHCS

**NỘI QUY PHÒNG VẤN**

**Xét tuyển viên chức sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo bậc Trung học cơ sở  
huyện Tuyên Hoá năm 2019**

**Điều 1. Quy định đối với thí sinh**

1. Phải có mặt trước phòng thi đúng giờ quy định. Trang phục gọn gàng, thể hiện văn minh, lịch sự.

2. Xuất trình Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc một trong các loại giấy tờ tùy thân hợp pháp khác để thành viên Ban Kiểm tra, sát hạch đối chiếu trước khi vào phòng phỏng vấn.

3. Ngồi đúng chỗ theo hướng dẫn của thành viên Ban Kiểm tra, sát hạch, để Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân lên mặt bàn để các thành viên Ban Kiểm tra, sát hạch kiểm tra.

4. Chỉ được mang vào phòng phỏng vấn bút viết, thước kẻ; không được mang vào phòng phỏng vấn điện thoại di động, máy ghi âm, máy ảnh, máy vi tính, các phương tiện kỹ thuật thu, phát truyền tin, phương tiện sao lưu dữ liệu, thiết bị chứa đựng, truyền tải thông tin khác và các loại giấy tờ, tài liệu có liên quan đến nội dung ôn tập phỏng vấn.

5. Thời gian chuẩn bị và trả lời câu hỏi phỏng vấn của mỗi thí sinh không quá 30 phút.

6. Chỉ sử dụng giấy nháp chuẩn bị phỏng vấn được phát để ghi nội dung chuẩn bị trả lời phỏng vấn. Phải ghi đầy đủ các mục trong giấy nháp chuẩn bị phỏng vấn. Giấy nháp chuẩn bị phỏng vấn phải có đủ chữ ký của các thành viên Ban kiểm tra, sát hạch. Giấy nháp chuẩn bị phỏng vấn không đủ chữ ký của các thành viên Ban Kiểm tra, sát hạch được xem là không hợp lệ.

8. Nội dung ghi trên giấy nháp phỏng vấn phải được viết bằng một loại mực có màu xanh hoặc màu đen. Không được sử dụng các loại mực màu khác, mực nhũ, mực phản quang, bút chì để ghi trên phiếu phỏng vấn.

9. Tuân thủ mọi hướng dẫn của thành viên Ban kiểm tra, sát hạch; giữ trật tự và không được hút thuốc hoặc sử dụng chất kích thích trong phòng phỏng vấn.

10. Không được trao đổi với người khác trong thời gian phỏng vấn, không được trao đổi giấy nháp chuẩn bị phỏng vấn, không được quay cốp tài liệu hoặc có bất kỳ một hành động gian lận nào khác. Nghiêm cấm mọi hành vi sao chép, truyền tải thông tin có liên quan đến đề phỏng vấn ra ngoài phòng phỏng vấn hoặc nhận thông tin từ ngoài vào phòng phỏng vấn.

11. Nếu cần hỏi điều gì, phải hỏi công khai thành viên Ban kiểm tra, sát hạch.

12. Trong thời gian chuẩn bị và trả lời phỏng vấn, thí sinh không được ra ngoài phòng phỏng vấn. Nếu thí sinh có đau, ốm bất thường thì phải báo cáo thành viên Ban Kiểm tra, sát hạch và thành viên Ban Kiểm tra, sát hạch phải báo ngay cho Trưởng Ban Kiểm tra, sát hạch để xem xét, giải quyết.

13. Sau khi hoàn thành trả lời phỏng vấn, thí sinh nộp lại đề và giấy nháp chuẩn bị phỏng vấn cho thành viên Ban Kiểm tra, sát hạch, ký tên vào danh sách và ra khỏi khu vực phỏng vấn, không được mang bất cứ vật dụng gì của Hội đồng xét tuyển, Ban Kiểm tra, sát hạch ra khỏi phòng phỏng vấn.

## **Điều 2. Xử lý vi phạm đối với thí sinh**

1. Thí sinh vi phạm nội quy phỏng vấn xét tuyển đều phải lập biên bản xử lý vi phạm và tùy theo mức độ vi phạm, thí sinh sẽ bị xử lý kỷ luật theo các hình thức sau:

a) Khiển trách: Hình thức kỷ luật khiển trách do thành viên Ban Kiểm tra, sát hạch lập biên bản, công bố công khai tại phòng phỏng vấn và áp dụng đối với thí sinh vi phạm một trong các lỗi sau:

- Cố ý ngồi không đúng chỗ theo hướng dẫn của Ban Kiểm tra, sát hạch
- Trao đổi với người khác đã bị nhắc nhở nhưng vẫn không chấp hành;
- Mang tài liệu vào phòng phỏng vấn nhưng chưa sử dụng.

b) Cảnh cáo: Hình thức kỷ luật cảnh cáo do thành viên Ban Kiểm tra, sát hạch lập biên bản, công bố công khai tại phòng phỏng vấn và áp dụng đối với thí sinh vi phạm một trong các lỗi sau:

- Sử dụng tài liệu trong phòng phỏng vấn
- Trao đổi giấy nháp chuẩn bị phỏng vấn với người khác
- Cho người khác chép nội dung chuẩn bị phỏng vấn hoặc chép nội dung chuẩn bị phỏng vấn của người khác.

- Sử dụng điện thoại di động, máy ghi âm, máy ảnh, máy vi tính và các phương tiện kỹ thuật thu, phát truyền tin, phương tiện sao lưu dữ liệu, thiết bị chứa đựng thông tin khác trong phòng phỏng vấn.

c) Đình chỉ phỏng vấn: Hình thức kỷ luật đình chỉ phỏng vấn do Trưởng ban Kiểm tra, sát hạch quyết định, công bố công khai tại phòng phỏng vấn và

áp dụng đối với thí sinh vi phạm đã bị lập biên bản cảnh cáo nhưng vẫn cố tình vi phạm nội quy phòng vấn.

d) Hủy kết quả phỏng vấn: Căn cứ vào báo cáo của Chủ tịch Hội đồng xét tuyển, Chủ tịch UBND huyện quyết định hủy bỏ kết quả phỏng vấn đối với thí sinh nhờ người khác thi hộ hoặc bị đình chỉ phỏng vấn.

đ) Thí sinh cố ý gây mất an toàn trong phòng phỏng vấn, ngoài việc bị đình chỉ và hủy kết quả phỏng vấn, tùy theo tính chất, mức độ còn bị xử lý theo quy định của pháp luật hình sự.

2. Các trường hợp Thí sinh vi phạm nội quy phỏng vấn bị lập biên bản thì thành viên Ban Kiểm tra, sát hạch và thí sinh phải cùng ký vào biên bản. Sau khi lập biên bản và công bố công khai tại phòng phỏng vấn, thành viên Ban Kiểm tra, sát hạch phải báo cáo ngay với Trưởng ban Kiểm tra, sát hạch. Trường hợp thí sinh vi phạm không ký biên bản vi phạm thì thành viên Ban Kiểm tra, sát hạch mời 02 thí sinh bên cạnh cùng ký xác nhận.

3. Thí sinh có quyền tố giác những người vi phạm nội quy phỏng vấn cho thành viên Ban Kiểm tra, sát hạch, Trưởng ban kiểm tra, sát hạch, Hội đồng xét tuyển, Ban giám sát kỳ xét tuyển.

4. Trừ điểm phỏng vấn:

a) Thí sinh vi phạm hình thức khiển trách sẽ bị trừ 25% kết quả điểm phỏng vấn.

b) Thí sinh vi phạm hình thức cảnh cáo sẽ bị trừ 50% kết quả điểm phỏng vấn.

### **Điều 3. Quy định đối với thành viên Ban Kiểm tra, sát hạch**

1. Phải có mặt tại địa điểm phỏng vấn đúng giờ quy định. Trang phục gọn gàng, văn minh, lịch sự; đeo thẻ của Ban Kiểm tra, sát hạch.

2. Thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao theo nội quy kỳ xét tuyển. Cụ thể:

- Căn cứ danh sách thí sinh đã niêm yết tại phòng phỏng vấn, thực hiện phỏng vấn theo quy định.

- Tổ chức lập biên bản các túi đựng các phong bì đề phỏng vấn còn nguyên niêm phong.

- Bóc túi đựng các phong bì đề phỏng vấn và mời thí sinh chứng giám.

- Thực hiện đúng quy định về thời gian phỏng vấn các thí sinh để đảm bảo đánh giá đúng nội dung trả lời của thí sinh và cho điểm chính xác.

- Khi chấm điểm phỏng vấn, các thành viên chấm độc lập trên phiếu chấm điểm đối với từng thí sinh. Điểm phỏng vấn là điểm trung bình cộng của các thành viên tham gia chấm phỏng vấn. Trường hợp các thành viên chấm phỏng vấn chấm điểm chênh lệch nhau từ 5 điểm trở lên đến dưới 10 điểm thì

Trưởng ban kiểm tra sát hạch trao đổi lại với các thành viên tham gia chấm phỏng vấn sau đó quyết định điểm phỏng vấn. Trường hợp các thành viên chấm phỏng vấn chấm điểm chênh lệch nhau từ 10 điểm trở lên thì Trưởng ban kiểm tra sát hạch báo cáo để Chủ tịch Hội đồng xét tuyển tổ chức đối thoại giữa các thành viên tham gia chấm phỏng vấn, sau đó quyết định điểm phỏng vấn.

- Kết quả chấm phỏng vấn phải được tổng hợp vào bảng kết quả có chữ ký của các thành viên chấm phỏng vấn và bàn giao cho Trưởng Ban kiểm tra, sát hạch. Trưởng Ban Kiểm tra, sát hạch bàn giao cho Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng xét tuyển, mời đại diện Công an, Ban Giám sát chứng kiến.

- Cuối buổi phỏng vấn, Ban Kiểm tra, sát hạch niêm phong đề, đáp án vào một phong bì để lưu trữ; lập biên bản bàn giao phiếu chấm phỏng vấn; Biểu tổng hợp điểm và các giấy tờ có liên quan cho Trưởng Ban Kiểm tra, sát hạch để bàn giao cho Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng xét tuyển, mời đại diện Công an, Ban Giám sát chứng kiến.

3. Giữ trật tự, không được hút thuốc, không được sử dụng điện thoại di động, máy ghi âm, máy ảnh, máy vi tính, các phương tiện kỹ thuật thu, phát truyền tin, phương tiện sao lưu dữ liệu, thiết bị chứa đựng, truyền tải thông tin khác trong phòng phỏng vấn.

4. Không được trao đổi riêng với bất kỳ thí sinh nào trong thời gian phỏng vấn.

**Điều 4. Xử lý vi phạm đối với cán bộ, công chức, viên chức tham gia tổ chức phỏng vấn và cá nhân liên quan khác vi phạm nội quy phỏng vấn xét tuyển.**

1. Người tham gia tổ chức phỏng vấn xét tuyển (Hội đồng xét tuyển, Ban Giám sát, các Ban giúp việc của Hội đồng xét tuyển) là cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm nội quy phỏng vấn xét tuyển thì ngoài việc bị đình chỉ làm công tác phỏng vấn xét tuyển còn bị xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.

2. Cán bộ, công chức, viên chức không tham gia tổ chức phỏng vấn xét tuyển nhưng có các hành vi, như: phỏng vấn hộ, chuyển đề phỏng vấn ra ngoài, đưa lời giải vào cho thí sinh, đưa thông tin sai lệch gây ảnh hưởng xấu đến kỳ phỏng vấn, gây rối làm mất trật tự tại khu vực phỏng vấn bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.

3. Người tham gia tổ chức phỏng vấn xét tuyển và những người có liên quan đến việc tổ chức phỏng vấn không phải là cán bộ, công chức, viên chức nếu có hành vi vi phạm nội quy phỏng vấn xét tuyển tùy theo tính chất, mức độ bị cơ quan, đơn vị hiện đang quản lý chấm dứt hợp đồng đã ký kết.

4. Người tham gia tổ chức phỏng vấn xét tuyển và những người có liên quan đến việc tổ chức phỏng vấn vi phạm nội quy phỏng vấn thì cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý không để đảm nhiệm những công việc có liên quan đến công tác tổ chức phỏng vấn xét tuyển từ 01 năm đến 03 năm kể từ năm có hành vi vi phạm./.

**Nơi nhận:**

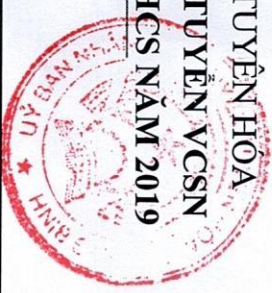
- HĐXTVCSN GD&ĐT bậc THCS;
- Ban Giám sát;
- Ban KTSH;
- Các bộ phận giúp việc của HĐXT;
- Các Thí sinh;
- Phòng NV (niêm yết tại trụ sở làm việc);
- VP HĐND & UBND (niêm yết công khai trên trang điện tử);
- Lưu: HĐXTTHCS.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**



*[Handwritten signature]*

**PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN**  
**Cao Xuân Tín**



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ TUYỂN VÒNG 2  
(Phòng phỏng vấn số 01)

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đổi tương ưu tiên	Ghi chú
1	001	Nguyễn Thị Minh An	09.11.1995	Nữ	Xã Cư Năm, Bó Trạch	Cử nhân SP Hóa học	B	B	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS HH.04	Không	
2	002	Nguyễn Thị Vân Anh	20/01/1994	Nữ	Xã Đức Hóa, Tuyên Hóa	DH SP Tiếng Anh	B	Tiếng pháp B	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS A.12	Không	
3	003	Phạm Công Anh	23.08.1997	Nam	TT Đông Lê, Tuyên Hóa	Cử nhân SP Hóa học	CN TTC B	B	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS HH.04	Không	
4	004	Từ Thị Vân Anh	17/11/1997	Nữ	Xã Quảng Kim, Quảng Trạch	CN SP Văn	UDCNT T	B	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS V.08	Không	
5	005	Nguyễn Thị Bón	20/4/1988	Nữ	Xã Mai Hóa, Tuyên Hóa	DH Tiếng Anh	B	Tiếng Pháp B	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS A.12	Không	
6	006	Hoàng Thị Lê Cẩm	22.06.1991	Nữ	Xã Sơn Hóa, Tuyên Hóa	CN Văn học, CNSP Lịch sử	B	B	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS VS.07	Không	
7	007	Trần Thị Châu	06/12/1989	Nữ	Xã Tiến Hóa, Tuyên Hóa	CN SP Văn -Sử	B	B	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS V.08	Không	
8	008	Bùi Thị Khánh Chi	22.4.1986	Nữ	Xã Châu Hóa, Tuyên Hóa	DHSP Mỹ thuật	B	B	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS MT.11	Không	
9	009	Trần Thị Khánh Chi	06/6/1995	Nữ	TT Đông Lê, Tuyên Hóa	CN SP Hóa học	B	B	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS HH.04	Không	
10	010	Đinh Thị Bích Chi	04.01.1986	Nữ	Xã Quy Hóa, Minh Hóa	Cử nhân SP Ngữ văn	B	B	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS V.08	Không	
11	011	Trần Hồng Chiến	16/5/1990	Nam	Xã Phong Hóa, Tuyên Hóa	DH SP Lịch sử; Chứng chỉ nghiệp vụ Đoàn -Đội	B	B	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS SPTPĐ S.15	Người HTNVQS	
12	012	Trần Thị Đào	10/6/1989	Nữ	Xã Cao Quảng, Tuyên Hóa	DH ngôn ngữ Anh, Chứng chỉ nghiệp vụ SP	B	Tiếng Pháp B	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS A.12	Không	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đổi tương ưu tiên	Ghi chú
13	013	Nguyễn Thị Hồng Diệp	02/6/1993	Nữ	Xã Cư Năm, Bó Trạch	DH SP Hóa	B	B	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS HH.04	Không	
14	014	Trình Thị Diệu	28.08.1997	Nữ	Xã Đức Trạch, Bó Trạch	CNSP Hóa học	CN TT CB	B	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS HH.04	Không	
15	015	Đình Quý Dương	17.05.1992	Nam	Xã Hòa Hợp, Minh Hóa	CDSP Hóa - KTNN	B	B	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	HNN.05	Không	
16	016	Nguyễn Thị Dương	01/01/1994	Nữ	Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội	DH SP Ngữ Văn	B	B	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS V.08	Không	
17	017	Đặng Đình Duy	06.10.1984	Nam	Thanh Hóa, Tuyên Hóa	DH Lịch sử, Chứng chỉ nghiệp vụ SP Cử nhân GD thể chất; Chứng chỉ nghiệp vụ SP	B	B	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS LS.06	Không	
18	018	Nguyễn Văn Duy	12.7.1986	Nam	Xã Lê Hóa, Tuyên Hóa		B	B	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS TD.09	Không	
19	019	Nguyễn Thị Thu Hà	08.10.1991	Nữ	Xã Phong Hóa, Tuyên Hóa	DHSP Lịch sử	B	B	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS LS.06	Không	
20	020	Nguyễn Thị Thu Hà	12/7/1995	Nữ	Xã Tân Ninh, Quảng Ninh	DH SP Hóa	UDCNT T	B	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS HH.04	Không	
21	021	Nguyễn Thị Thúy Hà	20.08.1992	Nữ	Xã Quảng Phú, Quảng Trạch	CNSP Vật lý - KTCN	CN TT CB	B	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCSL CN.03	Không	
22	022	Đình Văn Hải	02.3.1995	Nam	Xã Lê Hóa, Tuyên Hóa	DHSP Toán	CN TTC B	B	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS T.01	Không	
23	023	Phạm Minh Hải	08/7/1988	Nam	Xã Bảo Ninh, Đồng Hới	DHSP Toán - Lý	B	B	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS T.01	Không	

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**  
  
**PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN**  
**Cao Xuân Tín**

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ TUYỂN VÒNG 2  
(Phòng phỏng vấn số 02)

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đổi tương ưu tiên	Ghi chú
1	024	Đình Thị Thủy	12/12/1989	Nữ	Xã Lê Hóa, Tuyên Hóa	CN Ngữ văn, Chứng chỉ nghiệp vụ SP, Chứng chỉ Đoàn Hội	UDCNT T	C	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS VTPT Đ-V14	Không	
2	025	Nguyễn Thị Lê	27/02/1996	Nữ	Xã Tây Trạch, Bố Trạch	DH SP Ngữ văn	UDCNT T	B1	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS V.08	Không	
3	026	Trần Thị Lê	15/6/1994	Nữ	Xã Mai Hóa, Tuyên Hóa	DH SP Ngữ văn	B	B	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS V.08	Không	
4	027	Nguyễn Thanh	08/7/1996	Nữ	Xã Đức Hóa, Tuyên Hóa	DH SP Hóa học	B	B	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS HH.04	Không	
5	028	Nguyễn Thị Diệu	10.11.1996	Nữ	Xã Châu Hóa, Tuyên Hóa	CN SP Tiếng Anh	CN TT CB	Trình Trung HSK3	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS A.12	Không	
6	029	Trần Thị	06.12.1991	Nữ	Xã Tiến Hóa, Tuyên Hóa	Cư nhân SP Toán học	B	B	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS T.01	Không	
7	030	Hồ Thị Thủy	26.01.1997	Nữ	Xã Phong Hóa, Tuyên Hóa	Cư nhân SP Lịch sử	B	B	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS LS.06	Không	
8	031	Lương Thị Mỹ	10/9/1994	Nữ	Xã Văn Hóa, Tuyên Hóa	DH SP Toán	B	B	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS T.01	Không	
9	032	Trương Thị Mỹ	05/5/1996	Nữ	Xã Đức Hóa, Tuyên Hóa	DH SP Ngữ Văn	B	B	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS V.08	Không	
10	033	Dương Thị	18.08.1987	Nữ	TT nông trường Việt Trung, Bố Trạch	Cư nhân SP Văn - Sử	B	B1	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS VS.07	Không	
11	034	Đoàn Quỳnh	29.04.1997		TT Đông Lê, Tuyên Hóa	Cư nhân SP Toán học	CN TTC B	B	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS T.01	Không	
12	035	Lê Công	28/8/1994	Nam	Xã Liên Thủy, Lê Thủy	DH SP Toán học	B	B	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS T.01	Con TB	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đổi tương ưu tiên	Ghi chú
13	036	Nguyễn Thị Hiền	24/5/1994	Nữ	Xã Sơn Hòa, Tuyên Hóa	DHSP Ngữ Văn	CTTTC B	B	GVTHCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS V.08	Không	
14	037	Trần Thị Hiền	19/10/1990	Nữ	TT Quy Đạt, Minh Hóa	DH SP Lịch sử	A	B	GV THCS Hạng III; mã số V.07.04.12	THCS LS.06	Không	
15	038	Trần Thị Hiền	07.7.1993	Nữ	Xã Thanh Hóa, Tuyên Hóa	CDSP Vật Lý - KTCN DH ngôn ngữ Anh, Chứng chỉ nghiệp vụ SP	B	B	GVTHCS hạng III; mã số V.07.04.12	LCN.0 3	Không	
16	039	Nguyễn Thị Thu Hiền	22.05.1991	Nữ	Xã Văn Hóa, Tuyên Hóa		B	Tiếng Pháp B	GVTHCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS A.12	Không	
17	040	Nguyễn Thanh Hiền	02/4/1995	Nam	Xã Đông Hòa, Tuyên Hóa	DH SP Ngữ Văn	UDCNT T	B1	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS V.08	Không	
18	041	Phạm Thị Hiền	02/6/1995	Nữ	Xã Phong Hóa, Tuyên Hóa	DH SP Hóa học	B	B	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS HH.04	Không	
19	042	Nguyễn Lệ Hiền	26.10.1988	Nữ	Xã Thanh Hóa, Tuyên Hóa	Cư nhân SP Lịch sử	B	B	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS LS.06	Không	
20	043	Nguyễn Thị Hiếu	25.02.1989	Nữ	TT Đông Lê, Tuyên Hóa	Cư nhân SP Lịch sử	B	B	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	LSTPT Đ.S15	Không	
21	044	Hoàng Tiến Hòa	20/02/1988	Nam	Xã Kim Hóa, Tuyên Hóa	CN SP Văn - Sử	B	B	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS VS.07	Con BB	
22	045	Lê Thị Hòa	20.06.1992	Nữ	Xã Lê Ninh, Lê Thủy	Thạc sỹ LLPP Hóa học	CN TTC B	B1	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS HH.04	Không	
23	046	Hoàng Thị Hồng Hòa	10/10/1995	Nữ	Xã Liên Thủy, Lê Thủy	DH SP Ngữ Văn	B	B	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS V.08	Không	

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

*(Signature)*

**PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN**  
Cao Xuân Tín

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ TUYỂN VÒNG 2  
(Phòng phỏng vấn số 03)

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đổi tương ưu tiên	Ghi chú
1	047	Hoàng Văn Hòa	26/3/1985	Nam	Xã Lê Hóa, Tuyên Hóa	CD SP Toán - Lý	B	C	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS T.01	Không	
2	048	Đình Thi Hoài	13/5/1993	Nữ	Xã Xuân Hóa, Minh Hóa	CD SP Hóa - KTNN	B	B	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	HNN.05	Không	
3	049	Nguyễn Văn Hoàn	18/8/1994	Nam	Xã Quảng Lộc, TX Ba Đồn	DH SP Hóa	B	B	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS HH.04	Không	
4	050	Đình Hữu Hoàng	11.04.1991	Nam	Xã Hồng Hóa, Minh Hóa	Cao đẳng GDTC	B	B	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS TTD.09	Không	
5	051	Trần Thị Ánh Hồng	10.10.1991	Nữ	Xã Thanh Hóa, Tuyên Hóa	DH Văn, DHSP Sư, Chứng chỉ nghiệp vụ SP	B	B	GV THCS hạng III	THCS VS.07	Không	
6	052	Trần Thị Mai Hồng	21.09.1992	Nữ	Xã Quảng Liên, Quảng Trạch	Cử nhân SP Toán học	B	B	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS T.01	Không	
7	053	Nguyễn Thị Huệ	27.05.1995	Nữ	Xã Cao Quảng, Tuyên Hóa	DHSP Lịch sử	CN TT CB	B	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS LS.06	Không	
8	054	Nguyễn Thị Bích Huệ	03/02/1993	Nữ	Xã Thạch Hóa, Tuyên Hóa	DHSP Lịch sử	B	B	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS LS.06	Không	
9	055	Đoàn Việt Hùng	20.5.1988	Nam	Xã Sơn Hóa, Tuyên Hóa	DHSP Văn - Sư	B	B	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS VS.07	Không	
10	056	Nguyễn Văn Hùng	25.05.1987	Nam	TT Đồng Lê, Tuyên Hóa	Th sỹ LLVn học,	A	B	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS VS.07	Không	
11	057	Lê Thị Hương	02/8/1987	Nữ	Xã Mai Hóa, Tuyên Hóa	Dại học Văn; Chứng chỉ Nghiệp vụ Sư phạm DH SP Hóa học; Chứng chỉ Đoàn - Hội - Đội	B	B	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS V.08	Không	
12	058	Nguyễn Thi Lan Hương	06/01/1992	Nữ	TT Đồng Lê, Tuyên Hóa		B	B	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCSHT PTD.H1	Không	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đổi tương ưu tiên	Ghi chú
13	059	Võ Thị Hương	10.03.1992	Nữ	Xã Thanh Hóa, Tuyên Hóa	DHSP Toán	B	B	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS T.01	Không	
14	060	Phan Thị Thanh Hương	01/4/1995	Nữ	Xã Châu Hóa, Tuyên Hóa	CD SP Văn - Sử	B	B	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS VS.07	Không	
15	061	Đinh Thị Thu Hương	28/7/1994	Nữ	Xã Quy Hóa, Minh Hóa	CN SP Toán học	B	B	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS T.01	Không	
16	062	Nguyễn Thị Hương	07.11.1997	Nữ	Xã Trĩn Hóa, Tuyên Hóa	Cử nhân SP Ngữ văn	CN TT CB	B1	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS V.08	Không	
17	063	Võ Thị Hương	15.01.1997	Nữ	TT Đông Lê, Tuyên Hóa	Cử nhân SP Ngữ văn	CN TT CB	B	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS V.08	Không	
18	064	Hò Thị Lệ Hương	02/01/1993	Nữ	Xã Phong Hóa, Tuyên Hóa	DH SP Ngữ Văn	B	B	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS V.08	Không	
19	065	Đinh Thị Hương	29.08.1993	Nữ	Xã Yên Hóa, Minh Hóa	CBSP Văn - Sử	B	B	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS VS.07	Không	
20	066	Nguyễn Thị Hương	20.10.1996	Nữ	Xã Liên Thủy, Lệ Thủy	CBSP Toán - Tin	B	B	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS T.01	Không	
21	067	Nguyễn Thị Hương	12.05.1992	Nữ	Xã Quảng Hòa, TX Ba Đồn	DH Ngôn ngữ Anh	B	Trình B Trung B	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS A.12	Không	
22	068	Cao Quang Khải	07.10.1997	Nam	Xã Tân Hóa, Minh Hóa	Cử nhân GD Thể chất	CN TTC B	A2	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS TD.09	Không	
23	069	Hà Thị Hồng Kỳ	02/10/1997	Nữ	Xã Đông Hóa, Tuyên Hóa	CN SP Toán học	UDCNT T	B	GV THCS hạng III; mã số V.07.04.12	THCS T.01	Không	

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN

Cao Xuân Tín